

NỖ LỰC ĐẢM BẢO QUYỀN TIẾP CẬN GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT

Trương Thị Xuân Nhi

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nhitruong@husc.edu.vn

TÓM TẮT

Cam kết bảo vệ quyền cơ bản của trẻ em khuyết tật được Chính phủ Việt Nam thể hiện rõ qua quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật và chính sách. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em năm 1990 và Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật năm 2007. Trong những năm qua, việc tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm quyền trẻ em khuyết tật nói chung và quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật nói riêng ở Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định. Trên cơ sở tổng quan tài liệu, bài viết nhấn mạnh quan điểm về quyền được giáo dục, học tập là quyền cơ bản của trẻ em khuyết tật và lược sử quá trình bảo đảm quyền này cho trẻ em khuyết tật thông qua hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Từ khoá: Giáo dục, quyền tiếp cận giáo dục, trẻ em khuyết tật.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục với tính chất là một quyền con người có nghĩa là: quyền giáo dục được bảo đảm về mặt pháp lý với tất cả mọi người, không có bất cứ sự phân biệt nào; các quốc gia có nghĩa vụ bảo vệ, tôn trọng và thực hiện quyền được giáo dục [8]. Đối với trẻ em khuyết tật, quyền giáo dục là một quyền cơ bản và được ghi nhận trong rất nhiều văn kiện quốc tế: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người; Công ước Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật và Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em.

Việt Nam là quốc gia trải qua nhiều tác động của chiến tranh, thiên tai và có điều kiện môi trường sống khắc nghiệt. Do vậy, Việt Nam cũng là nước có số lượng người khuyết tật cao. Theo kết quả điều tra quốc gia năm 2016-2017, cả nước có khoảng 7,0% dân số (6,2 triệu người) 2 tuổi trở lên là người khuyết tật; tỷ lệ trẻ em khuyết tật ở độ tuổi 2-17 tuổi chiếm 2,79% và hơn ¼ trẻ em khuyết tật sống trong hộ nghèo đa chiều [12]. Trẻ em khuyết tật là một trong những nhóm xã hội thiệt thòi nhất, đối mặt với

những khó khăn, rào cản trong cuộc sống như hạn chế tiếp cận với các dịch vụ y tế, phục hồi chức năng, giáo dục, việc làm và tham gia xã hội.

Trong những năm qua, với sự nỗ lực của Chính phủ và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Việt Nam đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm đảm bảo quyền được học tập, giáo dục của trẻ em khuyết tật. Các văn bản mang tính pháp lý là cơ sở quan trọng góp phần khẳng định quyền đi học bình đẳng, quyền được hưởng một nền giáo dục có chất lượng của trẻ em khuyết tật.

2. CHÍNH SÁCH BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TẠI VIỆT NAM

Quyền được giáo dục (học tập) được ghi nhận từ rất sớm trong các công ước quốc tế về quyền con người. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Nhà nước Việt Nam đã tiến hành xây dựng các chính sách nhằm bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận giáo dục. Với phương châm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, Hiến pháp năm 2013 của Nhà nước Việt Nam khẳng định tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề [13]. Theo đó, trẻ khuyết tật có quyền được giáo dục như các trẻ không khuyết tật khác và được hưởng đầy đủ quyền này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào trên cơ sở bình đẳng về cơ hội.

Ở phạm vi quốc tế, Việt Nam là một trong những quốc gia thành viên tham gia tích cực vào các cam kết ở cấp quốc tế, khu vực trong nhiều công ước, tuyên bố và khuôn khổ khác nhau nhằm đảm bảo quyền giáo dục của trẻ khuyết tật được triển khai thực hiện. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em vào năm 1990. Công ước quốc tế về Quyền trẻ em là tuyên bố đầy đủ nhất về quyền trẻ em và trở thành một văn kiện về quyền con người được phê chuẩn rộng rãi nhất trong lịch sử. Việt Nam cam kết thực hiện các nội dung trong Công ước bao gồm tất cả các quyền cơ bản của trẻ em, trong đó đề cập cụ thể về quyền được học tập và hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật [5].

Năm 2014, Quốc hội thông qua Công ước Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật chứng tỏ cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của nhóm đối tượng này ở mọi lứa tuổi. Trong Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, Điều 24 quy định về quyền trong lĩnh vực giáo dục đối với người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. *“Các quốc gia thành viên của Công ước này thừa nhận quyền được học tập và giáo dục của người khuyết tật mà không có sự phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, các quốc gia cam kết đảm bảo hệ thống giáo dục hoà nhập ở tất cả các cấp và học tập suốt cuộc đời”* [6].

Trên cơ sở cam kết với cộng đồng quốc tế, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm hỗ trợ quyền tiếp cận giáo dục của người khuyết tật và

trẻ khuyết tật bao gồm việc tiếp cận và triển khai hệ thống giáo dục hòa nhập. Sau khi phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào năm 1990, Quốc hội đã thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào năm 1991. Đây là văn bản luật đầu tiên tạo ra khuôn khổ pháp lý quan trọng cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thúc đẩy việc thực hiện những quyền cơ bản của trẻ em, trong đó có Quyền được học tập. Năm 2004, Quốc hội thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991. Đến năm 2016, Luật Trẻ em được ban hành thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, trong đó, bên cạnh việc nhấn mạnh các quyền của trẻ em, còn có những quy định đổi mới về các chính sách cơ bản của Nhà nước để bảo đảm trẻ em được giáo dục. Mọi trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện, phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục mà không có sự phân biệt. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật [11].

Luật Giáo dục (2009) đã nhấn mạnh về quyền bình đẳng được tiếp cận giáo dục của mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế. Đồng thời nêu rõ giáo dục cơ sở cho mọi công dân (từ tiểu học lên THCS) và ưu tiên phân bổ nguồn lực (như giáo viên, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và ngân sách) cho các trường, lớp dạy học sinh khuyết tật.

Năm 2010, Quốc hội thông qua Luật Người khuyết tật – đây là cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội giáo dục đầy đủ cho người khuyết tật. Những quy định cụ thể về giáo dục đối với người khuyết tật nói chung và trẻ khuyết tật nói riêng được nói rõ hơn trong các điều từ Điều 27 đến Điều 32 của Luật này [10]. Việc thông qua Luật người khuyết tật và Nghị định hướng dẫn thi hành luật đã dẫn đến việc ban hành một số văn bản pháp luật góp phần nâng cao hơn nữa khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật. Cụ thể:

Việt Nam cũng ban hành hệ thống văn bản đảm bảo tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật trên nhiều phương diện. Bao gồm: Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2012 Quy định về điều kiện, thủ tục thành lập, hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/12/2013 là cơ sở pháp lý để thực hiện những chính sách hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận các cơ hội học tập ở nhiều cấp học và trình độ đào tạo; ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật. Theo đó, Thông tư liên tịch số 42 với những quy định ưu tiên đối với trẻ em khuyết tật trong nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí; chính sách về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, áp dụng đối với người khuyết tật học tập trong các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật, các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập [3;4].

Trẻ em khuyết tật là đối tượng gặp khó khăn nhất định trong việc thực thi quyền giáo dục và có các nhu cầu riêng cần được hỗ trợ trong quá trình học tập. Do đó, các bộ, ban ngành, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm tạo môi trường tiếp cận giáo dục thuận lợi cho nhóm đối tượng này, bao gồm việc quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục, cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu. Cụ thể: Quyết định số 49 (2007) quy định về chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phụ trách mảng giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; Thông tư liên tịch số 19 (2016) quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập. Thông tư số 17 (2020) quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật, quy định về thống nhất sử dụng ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam dành cho người khuyết tật nghe, nói sử dụng. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giáo dục liên quan đến người khuyết tật.

Cụ thể hoá các quan điểm, chính sách trong từng giai đoạn cụ thể; Chính phủ đã phê duyệt và thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2012-2020 với mục tiêu đến năm 2020 có 70% trẻ em khuyết tật được đi học ở các cấp học từ tiểu học đến trung học phổ thông. Sau khi kết thúc chương trình này, Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030. Một trong những mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025 là 80% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục và giai đoạn 2026-2030 là 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục. Chương trình cũng tập trung vào việc hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục; phát triển chương trình, sách giáo khoa, học liệu giáo dục ở lứa tuổi mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật; phát triển hệ thống dịch vụ và mô hình giáo dục người khuyết tật có hiệu quả từ trung ương đến địa phương [7].

Có thể thấy, các chính sách về giáo dục đối với trẻ em khuyết tật được quy định tương đối toàn diện trong Luật và các Văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta, tạo ra hành lang pháp lý cho hoạt động giáo dục đối với trẻ khuyết tật được triển khai ở các cấp. Trong quá trình thực hiện, các chính sách đang ngày càng được cụ thể hóa và hoàn thiện, hướng đến việc đảm bảo quyền được giáo dục, học tập của trẻ em khuyết tật.

3. THỰC TIỄN TIẾP CẬN GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TRONG BỐI CẢNH THAY ĐỔI VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

Quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật được Việt Nam thực hiện trong thời gian

qua đã góp phần quan trọng tạo ra cơ hội được học tập và hoà nhập xã hội cho trẻ em khuyết tật.

3.1. Về tỷ lệ tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật

Những nỗ lực của Nhà nước đã đưa đến nhiều thành tựu nhất định trong việc tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em khuyết tật. Số lượng trẻ em khuyết tật được đi học đã không ngừng tăng lên. Theo số liệu của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, so với năm 1996, số lượng trẻ em đến trường năm 2015 là hơn 500.000 trẻ em, cao hơn 10 lần. Số lượng trẻ em khuyết tật học hoà nhập tại các cơ sở giáo dục cấp tiểu học đã tăng từ 40.997 em vào năm học 2011-2012 lên 52.711 em vào năm học 2012-2013. Kết quả học tập của trẻ em khuyết tật có tiến bộ đáng kể, trong đó số học sinh xếp loại học lực trung bình trở lên đạt gần 50% [1]. Số trẻ khuyết tật được đi học ở Việt Nam đã tăng gấp 10 lần trong 2 thập niên qua [13]. Theo số liệu Điều tra quốc gia về người khuyết tật, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của trẻ khuyết tật khoảng 88,7%, trung học phổ thông là 33,6% [12].

3.2. Về phương thức giáo dục

Luật Người khuyết tật năm 2010 quy định ba phương thức giáo dục đối với người khuyết tật. Trong đó chỉ rõ giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. Giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt được thực hiện trong trường hợp chưa đủ điều kiện để người khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập [10].

Theo số liệu của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), trong số trẻ khuyết tật đang đi học từ năm 2016 – 2017, tại Việt Nam có 94,2% trẻ em khuyết tật tham gia phương thức giáo dục hòa nhập; 6,04% trẻ tham gia phương thức giáo dục chuyên biệt [17]. Tính đến tháng 12 năm 2020, Việt Nam đã hình thành hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục cấp tỉnh và cấp huyện ở 18 tỉnh/ thành phố; đã có 20 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh, và cấp huyện, 7 trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật, 105 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập [16].

3.3. Về đào tạo nguồn nhân lực

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật Luật Người khuyết tật chỉ rõ: Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tham gia giáo dục người khuyết tật, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu giáo dục người khuyết tật [10]. Trước năm 2020, có 02 trường cao đẳng sư phạm (Cao đẳng Sư phạm Trung ương và Cao đẳng Mẫu giáo Trung ương 3) và 03 trường đại học sư phạm (Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thủ Đức; Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt. Tập huấn giáo dục hòa nhập cho 600 - 700 cán bộ quản lý và từ 2.000 - 2.500 giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông

cốt cán của 63 tỉnh/thành phố về nghiệp vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật để những người này tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên tại các địa phương về giáo dục hòa nhập, tiếp tục phát triển mạng lưới giáo viên dạy trẻ em khuyết tật trong cả nước [16].

4. THẢO LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Bên cạnh những kết quả tích cực trong lĩnh vực giáo dục đối với trẻ khuyết tật, các báo cáo và nghiên cứu gần đây đã chỉ ra trẻ khuyết tật ở Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục so với các nhóm trẻ em khác ở tất cả các cấp học. Tỷ lệ tiếp cận giáo dục của trẻ em khuyết tật vẫn thấp hơn nhiều so với trẻ em không khuyết tật; ở các cấp học cao hơn thì tỷ lệ trẻ em khuyết tật đi học càng thấp hơn. Cụ thể, tỷ lệ trẻ em khuyết tật được đi học cấp tiểu học thấp hơn 1,1 lần, trung học cơ sở thấp hơn 1,3 lần và trung học phổ thông thấp hơn gần 2 lần so với tỷ lệ của trẻ em không khuyết tật đi học [2]. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật đã đi học nhưng thôi học chiếm đến hơn 30%. Trong 100 trường học chỉ có 3 trường có thiết kế phù hợp (2,9%), 8 trường có lối đi dành cho người khuyết tật (8,1%) và 10 trường có công trình vệ sinh phù hợp với trẻ khuyết tật (9,9%); có gần 3/4 số trường thiếu giáo viên giảng dạy học sinh khuyết tật (72,3%), cứ 7 giáo viên tiểu học và trung học cơ sở thì mới có 1 người được đào tạo để giảng dạy cho học sinh khuyết tật (14,1%) [12; 17]. Báo cáo giám sát công tác giáo dục người khuyết tật của Ban Chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chỉ rõ: 100% các cơ sở giáo dục công lập có trẻ em khuyết tật tham gia học tập hiện thiếu trang thiết bị và đồ dùng dạy học. Nhóm trẻ khuyết tật nghe - nói; khuyết tật vận động; khuyết tật trí tuệ... hiện dùng sách và học liệu như các trẻ em không khuyết tật. [15]. Những bất cập nêu trên dẫn đến hệ quả là còn một tỷ lệ lớn trẻ em khuyết tật không được tới lớp học, không được đảm bảo quyền lợi cơ bản của các em là được tiếp cận một nền giáo dục có hiệu quả.

Trên cơ sở những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, trong thời gian tới, giáo dục trẻ em khuyết tật cần có những giải pháp lớn hoàn thiện hệ thống chính sách quốc gia về giáo dục trẻ em khuyết tật; phát triển nguồn nhân lực; phát triển hệ thống hỗ trợ giáo dục; nâng cao năng lực quản lý giáo dục trẻ em khuyết tật và tăng cường sự phối hợp liên ngành trong chăm sóc và giáo dục trẻ em khuyết tật. Cụ thể:

Phát huy vai trò lãnh đạo của Nhà nước và sự tham gia thực hiện của các cấp ủy Đảng, Chính quyền trong các hoạt động liên quan đến công tác giáo dục cho trẻ khuyết tật. Nhà nước cần đảm bảo trẻ khuyết tật là đối tượng cần được chú trọng trong kế hoạch của ngành giáo dục ở tất cả các cấp và có cơ chế tăng cường giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách ở các cấp/ ban ngành có liên quan.

Tăng cường tính ràng buộc của pháp luật là cơ sở để các cấp và toàn xã hội hành động vì quyền học tập của trẻ em khuyết tật. Các quy định của pháp luật cần phải được cụ thể, trách tình trạng quy định của pháp luật mang tính định hướng, chung chung, dẫn tới khó áp dụng trên thực tế

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực của các tổ chức xã hội trong thực hiện chính sách giáo dục đối với trẻ em khuyết tật. Nhà nước cần phải có chiến lược khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động giáo dục trẻ khuyết tật theo các hình thức phù hợp, hiệu quả. Từ đó, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục; cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ; điều chỉnh chương trình giáo dục và phương pháp giảng dạy phù hợp với khả năng học tập và đặc thù dạng tật; tăng cường nguồn nhân lực giáo dục cho trẻ em khuyết tật cũng như cung cấp thông tin giáo dục, nâng cao nhận thức cho gia đình và cộng đồng về khả năng học tập và quyền giáo dục của trẻ em khuyết tật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Báo cáo quốc gia về giáo dục cho mọi người năm 2015 ở Việt Nam*, Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF (2015), *Sự sẵn sàng cho giáo dục trẻ khuyết tật nghiên cứu tại 8 tỉnh ở Việt Nam*, UNICEF Việt Nam, Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Bộ Tài chính (2013), *Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật*, Nguồn <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-lien-tich-42-2013-TTTL-BGDDT-BLDTBXH-BTC-chinh-sach-giao-duc-nguoi-khuyet-tat-220707.aspx>.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH*, Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-lien-tich-58-2012-TTTL-BGDDT-BLDTBXH-dieu-kien-thu-tuc-thanh-lap-163496.aspx>.
- [5]. Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1989), Nguồn <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-cua-Lien-hop-quoc-ve-quyen-tre-em-233659.aspx>.
- [6]. Công ước về người khuyết tật (2017), Nguồn <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-ve-quyen-cua-nguoi-khuyet-tat-269871.aspx>.
- [7]. Chính phủ (2019), *Quyết định 1190/QĐ-TTg Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030*, Nguồn <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-1190-qd-ttg-chuong-trinh-tro-giup-nguoi-khuyet-tat-giai-doan-2021-2030-188135-d1.html>.
- [8]. Lê Thị Anh Đào (2018), “*Quyền được giáo dục theo quy định của luật quốc tế và cơ chế bảo đảm thực hiện*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, tr.25-34.
- [9]. Quốc hội (2020). *Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030*, website: <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/quyet-dinh-1190-qd-ttg-chuong-trinh-tro-giup-nguoi-khuyet-tat-giai-doan-2021-2030-188135-d1.html>.

- [10]. Quốc hội (2010), Luật người khuyết tật, Nguồn <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-nguoi-khuyet-tat-2010-108081.aspx>.
- [11]. Quốc hội (2016), Luật trẻ em, Nguồn <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>.
- [12]. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016). *Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [13]. Thu Trang (2015), *Tăng cường huy động trẻ khuyết tật đến trường*, Nguồn: <http://daidoanket.vn/xa-hoi/tang-cuong-huy-dong-tre-khuyet-tat-den-truong-tintuc79870>.
- [14]. Trần Thị Huyền Trang (2014), *Bảo đảm quyền của trẻ em khuyết tật ở Việt Nam hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [15]. Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2018), Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.
- [16]. Ủy ban Quốc gia người khuyết tật Việt Nam, 2020, *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020*.
- [17]. UNICEF (2018). *Trẻ em khuyết tật ở Việt Nam: Kết quả điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam 2016-2017*, Tổng cục thống kê Việt Nam, Hà Nội.
- [18]. UNICEF (2018), *Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*, Nguồn: <https://www.unicef.org/vietnam/giao-duc-hoa-nhap-cho-tre-khuyet-tat>.

EFFORTS MADE TO ENSURE THE ACCESS TO EDUCATION OF CHILDREN WITH DISABILITIES

Truong Thi Xuan Nhi

Sociology and Social work faculty, University of Sciences, Hue University

Email: nhitruong@husc.edu.vn

ABSTRACT

The Vietnamese government's commitment to protecting the rights of disabled children is reflected in the process of developing, perfecting, and implementing human rights laws and policies. Vietnam ratified the International Convention on the Rights of the Child in 1990 and the International Convention on the Rights of Persons with Disabilities in 2007. Over the years, the law enforcement organization has been ensured in Vietnam, certain advances have been made in the rights of disabled children in general, and in the right of disabled children to access education in particular.

Based on a review of the literature, the article emphasizes the view that the right to education and learning is a fundamental right of children with disabilities and provides a brief history of the process of ensuring this right for children with disabilities through Vietnam's policy system in the recent time.

Keywords: education, access to education, children with disabilities.



Trương Thị Xuân Nhi sinh ngày 26/09/1995 tại Quảng Trị. Bà tốt nghiệp cử nhân Công tác xã hội – Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2017. Năm 2022, tốt nghiệp thạc sỹ ngành Công tác xã hội tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà công tác tại Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Công tác xã hội với trẻ em, trẻ em khuyết tật